

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VINH HƯNG**

Số: 256/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vinh Hưng, ngày 18 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022
của UBND xã Vinh Hưng**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân xã Vinh Hưng về việc phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách xã năm 2022;

Theo đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách năm 2022 của xã Vinh Hưng (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức Văn phòng - Thống kê xã, Tài chính - Kế toán xã tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quang Huy

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)*

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	13.875.323.796	TỔNG SỐ CHI	13.875.323.796
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	512.367.929	I. Chi đầu tư	3.681.644.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.768.383.958	II. Chi thường xuyên	6.975.404.727
III. Thu bổ sung	10.058.167.000	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	3.205.743.969
- Bổ sung cân đối	3.397.472.000		
- Bổ sung có mục tiêu	6.660.695.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước		IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	12.531.100
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	1.464.804.909		
VII. Thu để lại quản lý qua NS	71.600.000		
Kết dư ngân sách			

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	4.241.000	4.241.000	10.421.608,778	9.620.552,853	245	143
I	Các khoản thu 100%	371.000	371.000	851.940,001	851.149,027	229	229
	Phí, lệ phí	38.000	38.000	15.387	15.387	40,5	40,5
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	160.000	160.000	325.557	325.557	203,5	203,5
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	60.000	60.000	179.214,473	171.423,929	298,7	285,7
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	6.204.000	1.964.000	3.164.320,942	1.768.383,958	161,1	158,5
1	Các khoản thu phân chia						
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.000	2.000	8.296,222	8.296,222	414,8	414,8
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	33.000	33.000	44.000	44.000	133,33	133,33

	-Thuế GTGT thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	829.000	829.000	1.076.644,233	1.076.644,233	129,9	129,9
	-Thuế sử dụng đất	5.300.000	1.060.000	1.744.921,23	348.984,246	164,6	164,6
	-Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	1.600	1.600		
	-Thu lệ phí trước bạ nhà đất	40.000	40.000	288.859,257	288.859,257	722,1	722,1
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
	-						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			1.464.804,909	1.464.804,909		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	2.843.000	2.843.000	6.928.826	6.928.826	244	244
	- Thu bổ sung cân đối	3.341.000	3.341.000	3.397.472	3.397.472	102	102
	- Thu bổ sung có mục tiêu			6.660.695	6.660.695		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	5.563.000	1.060.000	4.503.000	13.875.323,796	3.686.427	10.188.896,796	249,4	347,7	226,3
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	32.400		32.400	34.975,5		34.975,5	108		108
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	56.300		56.300	41.396,89		41.396,89	73,5		73,5
4	Chi văn hóa, thông tin	47.600		47.600	486.688,5		486.688,5	1022		1022
5	Chi phát thanh, truyền thanh	15.000		15.000	318.408	293.408	25.000	212,3		166,7
6	Chi thể dục thể thao				99.989,6		99.989,6			
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế	1.091.608	1.060.000	31.608	3.772.062,4	3.388.236	383.826,4	345,5	319,6	1.214,3
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.716.512		3.716.512	4.393.369,595		4.393.369,595	118		118
10	Chi cho công tác xã hội	32.400		32.400	666.940		666.940	205,8		205,8
11	Chi khác	18.900		18.900	387.561,13		387.561,13	2.050,6		2.050,6
12	Chi công tác tự vệ, trật tự an toàn xã hội	352.280		352.280	349.336,112		349.336,112	99,2		99,2
13	Chi nộp trả kinh phí				12.531,1	4.783	7.748,1			
14	10% tiết kiệm chi	115.000		115.000						
15	Dự phòng	85.000		85.000	106.321		106.321	125		125
16	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau				3.205.743,969		3.205.743,969			

